TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-ST.
Ngày: 23/02/2026
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua lúa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Ông Võ Văn Thỏ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua lúa". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Thái Văn B**, sinh ngày 01/01/1978 (Có mặt)

Căn cước công dân: ……, cấp ngày 21/9/2022

Địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn T**, sinh ngày 26/4/1982 (Có mặt)

Căn cước công dân: ……., cấp ngày 26/4/2025

Địa chỉ: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/12/2025, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Thái Văn B trình bày:

Nguyên vào ngày 20/6/2025 âm lịch, ông có thỏa thuận với ông Phạm Văn T, sinh năm 1982, địa chỉ ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ, ông T sẽ bán cho ông số lượng 200 tấn lúa, loại lúa giống OM18, giá 6.200 đồng/ký. Ngày nhận lúa là 27/6/2025 đến ngày 10/7/2025. Ông đặt cọc cho ông Phạm Văn T số tiền

60.000.000 đồng và cũng đã giao số tiền đặt cọc cho ông T vào ngày 20/6/2025 âm lịch. Việc thỏa thuận có lập thành Hợp đồng mua bán lúa (tươi/khô) ngày 20/6/2025 âm lịch, và trong hợp đồng này có chữ ký và chữ viết của ông và ông Phạm Văn T.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông T đã giao cho ông số lúa 100 tấn, đã cấn trừ số tiền cọc 30.000.000 đồng, sau đó hết lúc giao nên ông T còn nợ lại ông số tiền 30.000.000 đồng. Ông có yêu cầu ông T trả lại cho ông nhưng ông T cứ hứa lần lựa.

Đối với ý kiến của ông T cho rằng khoảng năm 2020-2021 ông T đã đặt cọc cho ông số tiền 30.000.000 đồng để mua lúa của ông nhưng ông không giao lúa là không có; ý kiến ông T cho rằng mua lúa giống của ông với số tiền 4.160.000 đồng thì ông xác định ông bán lúa giống đều bán tiền mặt và bán cho rất nhiều người nên ông không nhớ chính xác nhưng việc ông T cho rằng tiền lúa giống cấn trừ tiền đặt cọc là không có; còn ý kiến ông mua lúa ông T còn nợ tiền bao số tiền 3.800.000 đồng cũng không có. Nên việc ông T cho rằng cấn trừ số tiền ông thiếu ông T là ông không đồng ý.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông B yêu cầu bị đơn ông T trả cho ông B số tiền đặt cọc còn nợ là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2/ **Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn T trình bày**:

Ông thừa nhận ngày 20/6/2025 âm lịch ông B có đặt cọc cho ông số tiền 60.000.000 đồng để mua 200 tấn lúa, ông đã giao cho ông B 100 tấn lúa và trừ số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng. Còn lại số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng thì ông B có kêu ông cấn trừ tiền bao thiếu của nông dân là 3.800.000 đồng, ông còn nợ lại ông B số tiền cọc là 26.200.000 đồng. Trước đây thời điểm khoảng năm 2020 - 2021 thì ông có đặt cọc cho ông B số tiền 30.000.000 đồng để mua 100 tấn lúa của ông B, khi giao tiền cọc thì không có làm giấy tờ, chỉ có ông và ông B biết, nhưng sau đó đến vụ lúa ông B bỏ đi đâu không liên lạc được, không có giao lúa cho ông cũng không có trả tiền cọc lại cho ông. Ông B năn nỉ cho ông B làm từ từ trả, ông cũng đồng ý, đến vụ lúa sau ông có mua lúa giống của ông B số tiền 4.160.000 đồng, ông trừ vào tiền đặt cọc, ông B còn nợ lại ông số tiền 25.840.000 đồng. Xong vụ lúa năm 2025 khoảng một hai tháng sau thì ông B có đến nhà ông để tính toán tiền đặt cọc xong, ông nói đã trừ lại số tiền đặt cọc trước đây ông B thiếu ông là xong rồi, nhưng nay ông B không chịu đi kiện ông. Ông không đồng ý trả cho ông B số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn B. Buộc ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho ông Thái Văn B số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Thái Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn T địa chỉ cư trú tại ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua lúa" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Nguyên đơn ông B yêu cầu bị đơn ông T có trách nhiệm trả cho ông B số tiền đặt cọc còn nợ là 30.000.000 đồng. Ông T thừa nhận còn nợ ông B số tiền đặt cọc 30.000.000 đồng nhưng ông B đã kêu ông lấy số tiền này trả tiền bao cho nông dân hết 3.800.000 đồng và ông B còn nợ ông số tiền đặt cọc còn thiếu khoảng năm 2020-2021 nên ông T khấu trừ lại, ông T không còn nợ ông B, không đồng ý trả tiền đặt cọc cho ông B.

[3] Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông B và ông T thống nhất ngày 20/6/2025 ông B có giao cho ông T số tiền đặt cọc 60.000.000 đồng, ông T đã giao cho ông B số lúa 100 tấn và đã trừ số tiền cọc 30.000.000 đồng; còn lại 30.000.000 đồng ông T còn nợ ông B. Nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B nhiều lần yêu cầu ông T trả lại số tiền đặt cọc nhưng ông T không trả cho ông B nên ông B khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền đặt cọc còn thiếu 30.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của bị đơn ông T cho rằng ông B còn nợ ông số tiền đặt cọc mua lúa khoảng năm 2020-2021 là 30.000.000 đồng và cấn trừ vào số tiền đặt cọc vụ lúa này nhưng ông B không thừa nhận và ông T không có cung cấp chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; bên cạnh đó ông T cũng không có yêu cầu phản tố theo quy định. Trường hợp nếu ông T có yêu cầu ông B trả số tiền đặt cọc này thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của ông T cho rằng ông B còn thiếu tiền bao của nông dân 3.800.000 đồng, ông B kêu ông T lấy số tiền đặt cọc ông T còn nợ ông B 30.000.000 đồng để trả cho nông dân. Nhận thấy ông T không có cung cấp được chứng cứ chứng minh ông B mua lúa còn nợ tiền bao và cũng không được ông B thừa nhận nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Nguyên đơn ông B được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0013166 ngày 25/12/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bị đơn ông T phải chịu án phí số tiền 1.500.000 đồng (30.000.000đ x 5%) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn B về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn T trả tiền đặt cọc mua lúa.

2/ Buộc bị đơn ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Thái Văn B số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

3/ Về lãi chậm thực hiện: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

+ Hoàn trả cho ông Thái Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013166 ngày 25/12/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

+ Ông Phạm Văn T phải chịu án phí số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng